

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với mỏ đá Nà É tại xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu: số 508/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2024 phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; số 775/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 phê duyệt giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiêu chí về vốn chủ sở hữu của tổ chức tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn và mỏ đá Nà É, xã Mường Kim, huyện Than Uyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1771/TTr-STNMT ngày 08 tháng 7 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với mỏ đá Nà É tại xã Mường Kim, huyện Than Uyên (Phụ lục tọa độ, diện tích khu vực kèm theo).

1. Tổ chức trúng đấu giá: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Quảng Đông.
  - a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600493537, đăng ký lần đầu ngày 19/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/6/2024, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp.
  - b) Trụ sở: Đường Trường Chinh, tổ 24, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Điện thoại: 0979013323.
  - c) Người đại diện pháp luật: Ông Hán Văn Nam - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.
2. Giá trúng đấu giá: 19,5% mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R=19,5%).
3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá: Trước khi nhận Giấy phép khai thác khoáng sản và theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Lai Châu.
4. Diện tích huyện Than Uyên chiếm 100%.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Quảng Đông phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2024. Sau thời hạn nêu trên nếu Công ty không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định hủy kết quả trúng đấu giá.

**Điều 3.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Quảng Đông (để thực hiện);
- VP UBND tỉnh: V1, V3, CB (đăng tải);
- Lưu: VT, Kt4.

} (b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trọng Hải**

**PHỤ LỤC: TỌA ĐỘ, DIỆN TÍCH KHU VỰC TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN  
Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông  
thường mỏ đá nà é, xã Mường Kim, huyện Than Uyên**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày .....tháng ... năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, KTT 103 <sup>0</sup> múi 3 <sup>0</sup>		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2 417 534	585 931	Vị trí 1 (1,3 ha)
2	2 417 492	586 069	
3	2 417 407	586 043	
4	2 417 445	585 906	
5	2 417 382	585 888	Vị trí 2 (1,26 ha)
6	2 417 355	586 007	
7	2 417 256	585 973	
8	2 417 282	585 857	